

GRAMMAR PoINT

Danh từ số nhiều (Biến đổi có quy tắc)

• Danh từ số nhiều là dạng danh từ chỉ người, địa điểm, động vật, sự vật,... với số lượng từ hai cá thể trở lên; việc thêm **_s** hoặc **_es** vào sau danh từ đó. Danh từ số ít được biến đổi thành số nhiều theo quy tắc sau:

1. Với hầu hết các danh từ số ít, ta chỉ cần thêm **_s** vào tận cùng danh từ đó để biến đổi về dạng số nhiều.
2. Với các danh từ kết thúc bằng **_s/-x/-sh**, ta thêm **_es** vào tận cùng danh từ đó để biến đổi về dạng số nhiều.
3. Với các danh từ kết thúc bằng **_f/-fe**, ta đổi **_f/-fe** thành **-v**, sau đó thêm **_es** vào sau danh từ để biến đổi về dạng số nhiều.
4. Với các danh từ kết thúc bằng 'phụ âm+y', ta chuyển **y** thành **i** sau đó thêm **_es** vào sau danh từ để biến đổi về dạng số nhiều.

Regular Plural Nouns			
+ -s	+ -es	f, fe → v + -es	consonant + y → i + -es
an apple ⇒ apples	a bus ⇒ buses	a leaf ⇒ leaves	a puppy ⇒ puppies
a book ⇒ books	a fox ⇒ foxes	a wolf ⇒ wolves	a baby ⇒ babies
a cat ⇒ cats	a dish ⇒ dishes	a scarf ⇒ scarves	a candy ⇒ candies
a toy ⇒ toys	a peach ⇒ peaches	a knife ⇒ knives	a butterfly ⇒ butterflies

A Read and write.

~~orange~~
wife

knife
country

glass
scarf

cherry
baby

book
dish

brush
toy

-s

ranges

-es

-ves

-ies

B Look and write.

baby

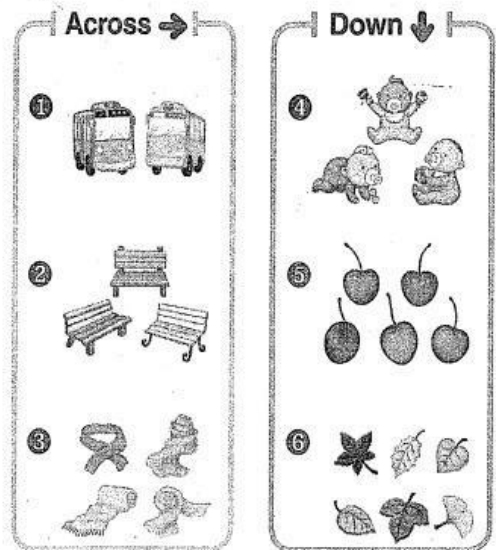
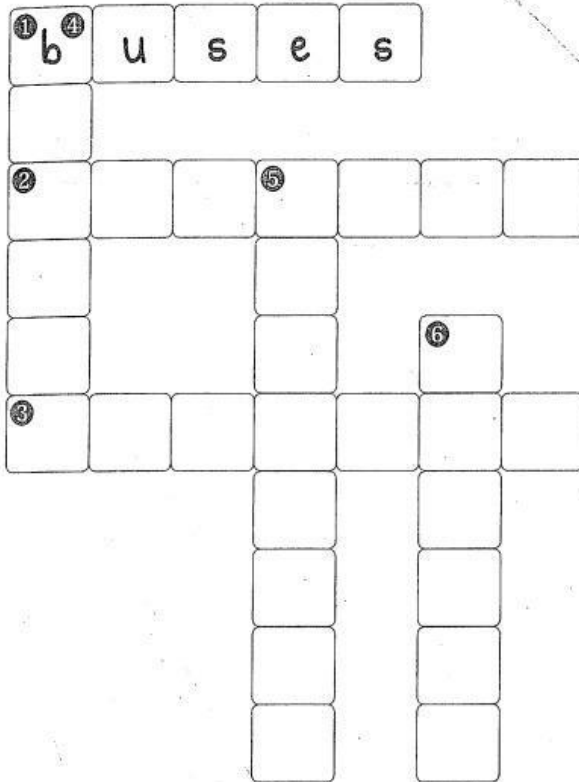
leaf

~~bus~~

scarf

cherry

bench



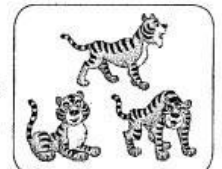
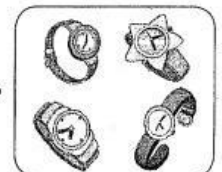
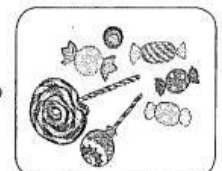
C Write and match.

1 a watch → four watches

2 a tiger → three _____

3 a candy → seven _____

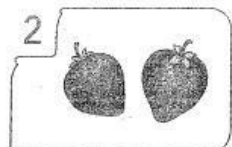
4 a wolf → two _____



D Look and write.



three boys → There are three boys.



two _____ → There are _____.



four _____ → There are _____.

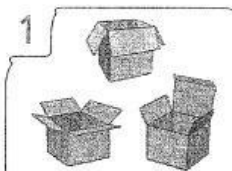


three _____ → They have _____.



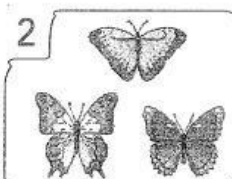
six _____ → He has _____.

E Look, read, and correct.



There are three boxes.

→ There are three boxes.



There are three butterfly.

→ _____



I have five knivees.

→ _____



She has two rabbit.

→ _____

GRAMMAR PoINT

Danh từ số nhiều (Biến đổi bất quy tắc)

- Danh từ số nhiều là dạng danh từ chỉ người, địa điểm, động vật, sự vật,... với số lượng từ hai cá thể trở lên. Thông thường, ta có thể chuyển một danh từ số ít thành danh từ số nhiều theo quy tắc thêm **s** hoặc **es** vào cuối danh từ đó. Tuy nhiên, cũng tồn tại một số danh từ biến đổi không theo bất kỳ quy tắc nào.
- Với trường hợp **biến đổi bất quy tắc** này, danh từ số nhiều và danh từ số ít có thể được viết giống hệt nhau, hoặc danh từ số nhiều có cách viết khác hoàn toàn so với danh từ số ít.

Irregular Plural Nouns					
a man	⇒	men	a goose	⇒	geese
a woman	⇒	women	a sheep	⇒	sheep
a foot	⇒	feet	a deer	⇒	deer
a tooth	⇒	teeth	a fish	⇒	fish
			an ox	⇒	oxen
			a child	⇒	children
			a person	⇒	people
			a mouse	⇒	mice

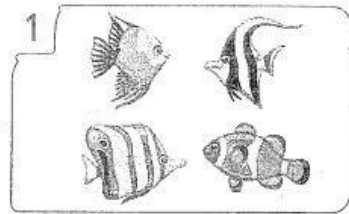
A Read and write.

- a tooth
→ two teeth
- a man
→ ten _____
- a mouse
→ seven _____
- an ox
→ three _____
- a sheep
ten _____
- a foot
six _____

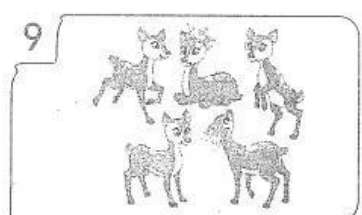
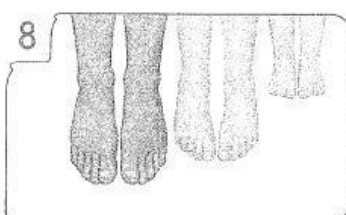
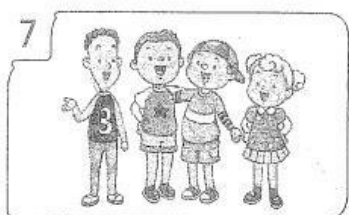
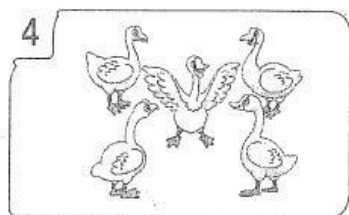
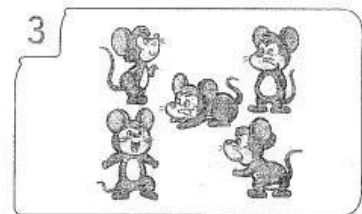
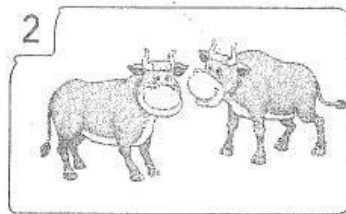
- a fish
→ four _____
- a child
→ three _____
- a goose
→ eight _____
- a woman
→ five _____
- a deer
→ six _____
- a person
→ four _____

B Look, count, and write.

tooth	mouse	child	goose
foot	deer	fish	man
			ox



four fish

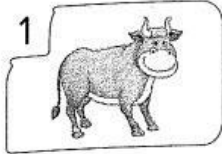


C Read, circle, and write.

- There is a woman.
(woman / women)
- There are seven fish.
(fish / fishes)
- There are twenty people.
(person / people)
- The fox has a tooth.
(goose / geese)
- My parents have four children.
(sheep / sheeps)
- The farmer has three oxen.
(ox / oxen)

D Look and write.

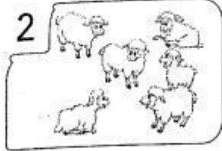
1



an ox
ox

→ There is an ox.

2



six sheep

→ There are _____.

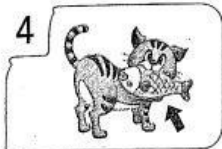
3



three woman

→ There are _____.

4



a fish

→ The cat has _____.

5



four goose

→ He has _____.

E Look, read, and correct.

1



There are three childs.

→ There are three children.

2



There is a mice.

→ _____

3



There are four person.

→ _____

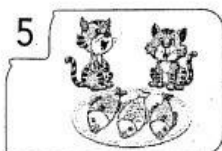
4



She has a geese.

→ _____

5



They have three fishs.

→ _____